

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH An Phước tại Văn bản số 03/CV-AP ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu An Phước; Văn bản số 07/CV-AP ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường Dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu An Phước và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 224/TTr-TNMT ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án/cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu An Phước” của Công ty TNHH An Phước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH An Phước (địa chỉ trụ sở chính: Lô D4, Khu công nghiệp Hòa Bình, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu An Phước với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu An Phước.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D4, Khu Công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100202610; Đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2004; đăng ký thay đổi lần 09 ngày 01 tháng 4 năm 2022 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

1.4. Mã số thuế: 6100202610.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Quy mô diện tích: 25.892 m²

- Quy mô hoạt động:

+ Sản phẩm lâm sản: 1365 m³ gỗ tinh chế/năm.

+ Sản phẩm ván bóc, ván ép: 1500 m³/năm.

+ Sản phẩm gỗ ghép: 1800 m³ ván ghép thành phẩm/năm.

- Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu An Phước thuộc danh mục dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, được quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH An Phước.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH An Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp Giấy phép*).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH An Phước;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Phòng TN&MT TP;
- UBND Phường Nguyễn Trãi;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Đ/c CVP, đ/c Bình – PCVP;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên và công nhân nhà máy.
- Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép: 04 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 02 dòng (từ 02 nhà vệ sinh).
- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: Tổng Nitơ, Tổng Photpho; BOD₅; dầu mỡ động, thực vật; Coliform; Tổng chất rắn lơ lửng.
- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể tại bảng sau:

Bảng 1. Giá trị các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	QCVN 14: 2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD ₅	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí có tọa độ địa lý: X= 1584341; Y= 551824 thuộc Lô D4, KCN Hòa Bình, phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
 - + Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt và xả ngầm qua đường ống nhựa PVC.
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: Đổ nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình sau khi đã xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn.

2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép: Nước vệ sinh thiết bị, máy móc, nhà xưởng; rửa xe...không chứa các thành phần nguy hại.
- Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép: 1,2 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng tại khu vực hồ lắng.
- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: Màu; pH; BOD₅ (20⁰ C); COD; Chất rắn lơ lửng; Amoni (*tính theo N*); Tổng phốt pho (*tính theo P*).

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể tại bảng sau:

Bảng 2. Giá trị các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sản xuất

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C
			Cột A
1	Màu	Pt/Co	50
2	pH	-	6 đến 9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30
4	COD	mg/l	75
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50
6	Amoni (<i>tính theo N</i>)	mg/l	05
7	Tổng phốt pho (<i>tính theo P</i>)	mg/l	04

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + Vị trí: Tại khu vực hồ lắng của hệ thống thoát nước thuộc Lô D4, KCN Hòa Bình thuộc Phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
- Tọa độ: X= 1584321; Y= 551827.
- + Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt, xả ngầm.
- + Nguồn tiếp nhận nước thải: Đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình sau khi đã xử lý sơ bộ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC dẫn vào giếng thăm và thăm vào đất.

- Đối với nước thải sản xuất:

Thu gom vào đường ống thoát nước và đưa vào hồ lắng trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình.

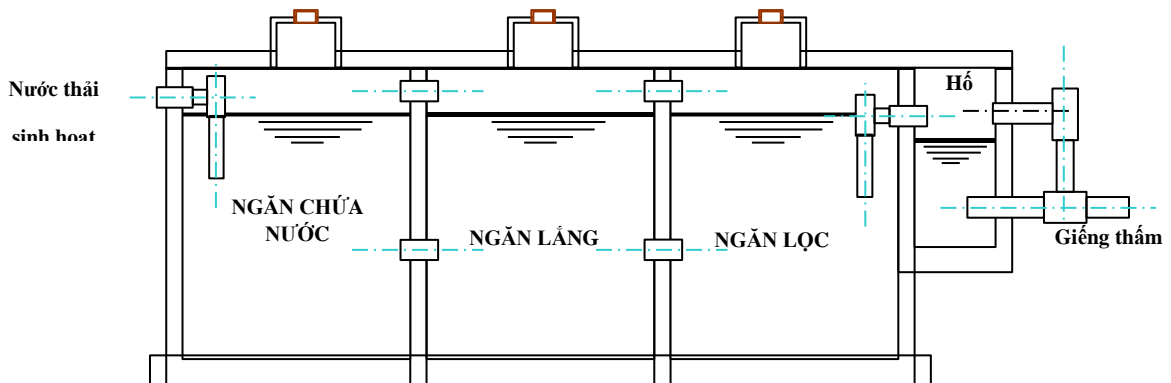
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống

uPVC dẫn vào giếng thăm và thấm vào đất.

Hình 1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



Ghi chú:

- (1) Ngăn lắng và xử lý yếm khí.
- (2) Ngăn lắng ngang.
- (3) Ngăn xử lý hiếu khí.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và xử lý yếm khí. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt được từ 40% đến 60% phụ thuộc vào nhiệt độ và chế độ quản lý, vận hành bể.

- Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 03 đến 06 tháng, trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải sẽ được dẫn qua bể lọc, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu khoảng 02 đến 05 năm sẽ thuê xe hút chuyên dùng hút đi. Mỗi lần lấy cặn phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải khi đến bể lọc, sẽ được tiến hành lọc qua lớp: than củi dày 0,2m, than xỉ dày 0,2m và gạch vỡ dày 0,2m. Sau đó sẽ tiếp tục được dẫn vào hệ thống thu hồi nước thải sau đó cho vào giếng thăm để thấm đất.

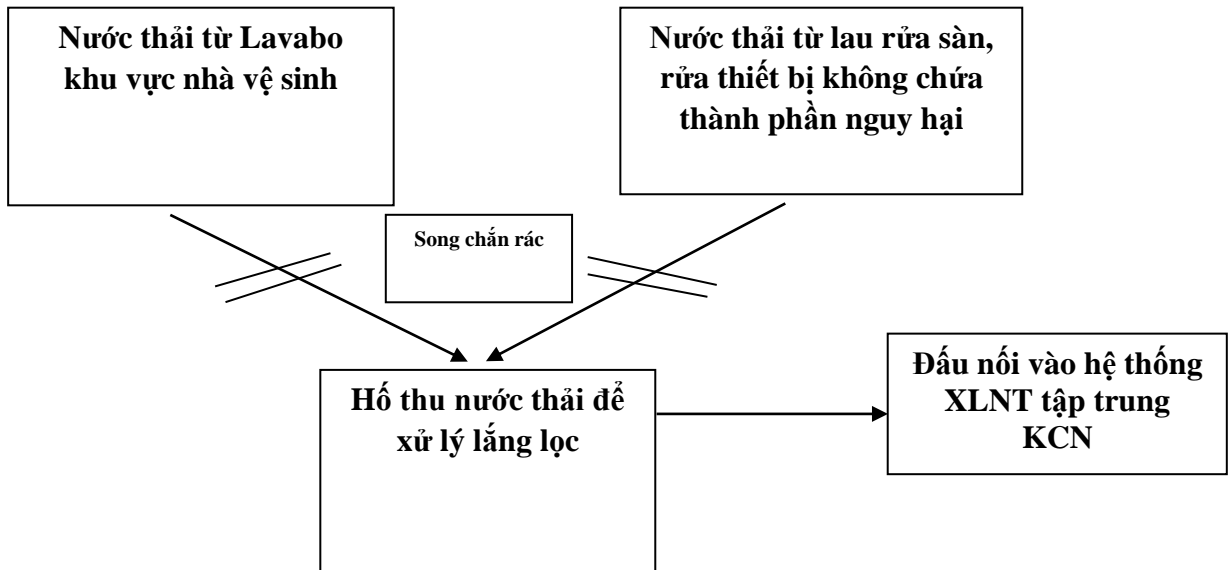
- Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, người ta nối ống Ø140 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.

- Bể tự hoại đang được sử dụng với nhiều ưu điểm như: Hiệu suất xử lý ổn định kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn; chiếm ít diện tích, giá thành rẻ và việc xây dựng, quản lý đơn giản. Hiệu suất lắng của bể đối với các chất lơ lửng: BOD 65 -75%, SS 75 – 85% và COD của nước thải giảm từ 35 - 65% và các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần.

1.2.2. Nước thải khác:

Thu gom vào đường ống thoát nước và đưa vào hồ lắng trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình.

Hình 2. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải khác



* Thuyết minh hệ thống thu gom nước thải

Nguồn nước thải:

- Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, rửa thiết bị và từ sinh hoạt ăn uống tại nhà ăn được dẫn về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hồ thu nước thải.

- Nước phát sinh trong quá trình hoạt động chủ đầu tư để các nguyên liệu đầu vào hay các sản phẩm gỗ vụn ngoài trời hoặc các khu vực không có mái che hoặc che dầy không kín gặp trời mưa xuống làm rửa tan các thành phần trong gỗ hòa lẫn vào nước làm phát sinh độ độc cao và hàm lượng hữu cơ lớn. Khối lượng này phát sinh không thường xuyên, chủ yếu vào mùa mưa và phát sinh tại những khu vực không che dầy kỹ. Được thu gom bằng hệ thống mương được xây bằng gạch, trát vữa xi măng, có nắp dầy bằng tấm đan và hệ thống mương xây bê tông cốt thép. Sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để thu gom xử lý kỵ khí sau đó cho thấm đất.

Song chắn rác: Nước thải từ sinh hoạt và sản xuất có chứa nhiều thành phần cặn, đặc biệt là các thành phần cặn kích thước lớn. Các cặn nước thải nếu được dẫn thẳng không qua chắn rác thì sẽ phân hủy làm tăng COD và BOD trong nước thải chính vì vậy cần được tách bằng song chắn rác tinh trước khi xử lý.

Hồ thu nước thải: Được xây và gia cố cẩn thận để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đất.

Thuyết minh quy trình thu gom: Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, rửa thiết bị không chứa thành phần nguy hại và từ sinh hoạt ăn uống tại nhà ăn được

dẫn về hồ thu nước thải. Qua hệ thống lắng lọc, sau đó đầu nối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Hòa Bình để tiếp tục xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Hồ ga đầu nối: Chất liệu xây bằng gạch được gia cố chắc chắn, có nắp đậy kín đảm bảo an toàn.

- Nước thải sinh hoạt (*từ nhà vệ sinh*): Phát sinh tại 02 khu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

- 1. Nguồn phát sinh:** Từ máy phát điện dự phòng.
- 2. Vị trí xả khí thải:** Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng của dự án tại Lô D4, KCN Hòa Bình, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tọa độ: X= 1584332; Y= 551846.
- 3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:** 5.544 m³/ngày đêm \approx 231 m³/giờ.
- 4. Phương thức xả khí thải:** Xả gián đoạn (Khi sử dụng máy phát điện dự phòng).
- 5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:** Đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$).

Bảng 3. Bảng giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	SO ₂	mg/Nm ³	400
2	CO	mg/Nm ³	800
3	NO _x	mg/Nm ³	680
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	160

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

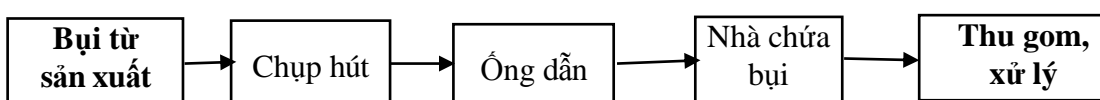
1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi tập trung để xử lý bụi gỗ phát sinh từ các công đoạn cưa, cắt, chà nhám làm nhẵn mặt ván.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Quy trình hệ thống xử lý bụi tập trung tại cơ sở như sau:

Hình 4. Quy trình xử lý bụi của hệ thống xử lý bụi gỗ tại nhà máy



* Thuyết minh quy trình

Bụi gỗ phát sinh từ các công đoạn sản xuất được các chụp hút hút tại các máy gia công vào hệ thống ống nhánh rồi qua hệ thống ống chính và đưa vào khu

vực thu bụi. Trong khu vực thu bụi lắp đặt thêm hệ xoắn để xoắn và cuốn bụi thô (có kích thước lớn) vào đường ống dẫn và đưa vào bể thu bụi. Trong bể thu bụi lắp đặt thêm hệ xoắn để xoắn và cuốn bụi thô (có kích thước lớn) vào đường ống dẫn và đưa về nhà chứa bụi. Sau đó tiến hành thu gom bán ra bên ngoài cho các đơn vị có nhu cầu như sản xuất viên nén năng lượng, làm chất đốt...

Ngoài biện pháp kiểm soát bụi được mô tả như trên, cơ sở còn thực hiện một số biện pháp quản lý khí thải phát sinh do phương tiện vận chuyển ra vào khu vực sản xuất; từ hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu và thành phẩm tại khu vực sản xuất như sau:

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn và thu gom bụi rơi vãi trên nền nhà xưởng.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy để điều hòa khí hậu và hấp phụ 1 phần các chất ô nhiễm trong không khí.

- Trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân khi làm việc tại các công đoạn sản xuất.

- Thông gió trong khu vực xưởng sản xuất.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí cuối hướng gió, phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải của xe, che đậy cẩn thận, hạn chế rơi vãi dọc đường, thường xuyên tưới nước để giảm thiểu bụi, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông và ảnh hưởng lối đi lại của người dân.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án với diện tích đảm bảo tối thiểu theo quy định.

- Lắp đặt hệ thống quạt hút công nghiệp để thông gió tại một số khu vực sản xuất;

- Duy trì, chăm sóc hệ thống cây xanh đã trồng góp phần giảm thiểu tác động do khí thải, bụi và tiếng ồn phát tán ra môi trường xung quanh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện ra sự cố;

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời như quạt hút, đường ống, van, bơm,...;

- Đào tạo kiến thức cho nhân viên phụ trách;

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành

thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn tại khu vực nhập liệu.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn tại khu vực cưa, cắt, mài sản phẩm gỗ.

2. Vị trí phát sinh: Tại khu vực xưởng sản xuất thuộc Lô D4, KCN Hòa Bình thuộc Phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Giá trị giới hạn:

Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Bảng 4. Giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lắp đặt, vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ để tránh hỏng hóc gây ra tiếng ồn bất thường nhằm giảm độ ồn.

- Trồng cây xung quan nhà máy để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng ra khu vực xung quanh nhà máy và cải thiện được điều kiện khí hậu trong khu vực.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế, lắp đặt máy móc thiết bị theo đúng thiết kế, kỹ thuật.

- Không hoạt động từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Có kế hoạch làm việc cụ thể, bố trí các xe, thiết bị hoạt động luân phiên để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

-Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí cuối hướng gió, phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải của xe, che đậy cẩn thận, hạn chế rơi vãi dọc đường, thường xuyên tưới nước để giảm thiểu bụi, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông và ảnh hưởng lối đi lại của người dân.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Khối lượng: 122 kg /năm.

- Chủng loại: Bóng đèn huỳnh quang thải; Các loại dầu thải khác (*cặn dầu thải*); Bao bì thải bằng kim loại: thùng chứa nhớt dầu, keo thải, thùng đựng hóa chất thải; Bao bì thải bằng vật liệu khác; Can phuy đựng sơn, dung môi thải; Các loại vật dụng nhiễm dầu thải như: Giẻ lau, bao tay...; Ấc quy chì thải; Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác; Các loại khác.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 34,65 tấn/năm.

- Chủng loại: Chất thải là đầu gỗ loại bỏ, sản phẩm gỗ hư hỏng; Bụi, mùn cưa; Giấy, nhãn và bao bì Carton thải bỏ; Bao bì nhựa thải; Các loại liên quan khác.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 1,050 tấn/năm.

- Chủng loại: Bao bì, hộp giấy và một số thức ăn thừa và các loại liên quan khác ...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Số lượng: 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại.

- Vị trí và diện tích: Ở phía Nam nhà máy có dung tích 12,5 m³ (dài 2,0 x rộng 2,5m x cao 2,5m).

- Kết cấu công trình: Tường và mái xây dựng bằng tôn, sắt.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp

thông thường:**2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Gõ bìa cạnh, sản phẩm gỗ hư hỏng: Thu gom để riêng bán cho các đơn vị làm chất đốt;

- Bao bì carton, dây buộc nhựa, lưới cưa, đinh vít hỏng,...: Bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng;

- Chất thải từ vỏ bìa gỗ, gỗ hỏng lỗi loại bỏ: Thu gom tập trung tại các kệ palet hoặc các khu vực chứa trong khu vực xưởng;

- Giấy, nhãn và bao bì carton thải bỏ, bao bì nhựa thải lưu chứa tại khu vực kho chứa rác thải sản xuất tại các thùng chứa bằng tôn hoặc thùng nhựa.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt;

- Bố trí các thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít và 240 lít dọc đường nội bộ; tại khu vực văn phòng bố trí các thùng rác dung tích 240 lít, sau đó đưa về khu vực lưu chứa để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Kon Tum để thu gom rác thải sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố hệ thống thu gom, xử lý khí thải;

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố;

- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động;

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
